

- Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, cổ đông vui lòng xác nhận tham dự. (Thời gian trước 17 giờ 00 ngày 18/5/2021, theo số ĐT: 028.38308899 – 0917.377980 (C.Dung); Số Fax: 38301802).

- Các tài liệu Đại hội được đăng trên website của Công ty: <http://fic.vn> – Mục “Quan hệ cổ đông”.

- Cổ đông/Người được ủy quyền mang theo Thông báo mời họp, Thẻ căn cước công dân/Giấy CMND/Hộ chiếu, để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

- Trường hợp cổ đông không tham dự mà ủy quyền thì thực hiện theo khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp: “*Tiệc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp*”.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP-THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
Trân trọng thông báo

Địa chỉ:

Số ĐKSH:

Số lượng cổ phần: CP

Đến dự

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẮT THƯỜNG NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CN - TM HỮU NGHỊ

Vào lúc 08 giờ 00 Ngày 20 tháng 5 năm 2021

Tại: Văn phòng Công ty CP CN-TM Hữu Nghị

Số: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, TPHCM (Lầu 6)

Rất hân hạnh được đón tiếp. *M*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Tân Dương
Lê Tân Dương

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, TPHCM

Mã số doanh nghiệp: 0300743380

Điện thoại: 028-38308899 Fax: 028-38301802



THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CN - TM HỮU NGHỊ

THỨ NĂM, NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2021

TP.HCM ngày 27 tháng 4 năm 2021



**CHƯƠNG TRÌNH - NỘI DUNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021**

Thời gian: Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút, Thứ Năm ngày 20 tháng 5 năm 2021.

Địa điểm: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10.

Stt	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
I. Phần Nghi thức			
1	08g00 – 08g30	Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.	Ban tổ chức
2	08g30 – 08g35	Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự.	Ban tổ chức
3	08g35 – 08g40	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.	Ban thẩm tra tư cách đại biểu
4	08g40 – 08g45	Giới thiệu và thông qua: + Thành phần Đoàn chủ tọa Đại hội. + Quy chế làm việc tại Đại hội.	Ban Tổ chức
5	08g45 – 08g50	Giới thiệu và thông qua: + Ban thư ký. + Chương trình Đại hội.	Chủ tọa đoàn
II. Phần nội dung			
1	08g50 – 09g00	<u>Nội dung 1:</u> Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán).	Chủ tọa đoàn
2	09g00 – 09g10	<u>Nội dung 2:</u> Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận; trích lập các quỹ sau Đại hội và chi trả cổ tức năm 2019.	Chủ tọa đoàn
3	09g10 – 09g20	<u>Nội dung 3:</u> Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019; Tổng kết nhiệm kỳ III (2016-2020) - Phương hướng nhiệm kỳ IV (2020-2025).	Trưởng Ban kiểm soát
4	09g20 – 09g50	Thảo luận, bầu Ban kiểm phiếu và biểu quyết các nội dung Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
5	09g50 – 10g00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo Đại hội.	Ban kiểm phiếu
III. Phần bầu cử			
1	10g00 – 10g05	Trình bày Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV.	Chủ tọa đoàn
2	10g05 – 10g10	Tờ trình tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng và danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV.	Chủ tọa đoàn
3	10g10 – 10g15	Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử, cơ cấu, số lượng và danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV; Bầu Ban kiểm phiếu.	Chủ tọa đoàn
4	10g15 – 10g20	Phổ biến thể lệ, nguyên tắc bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV.	Ban kiểm phiếu
5	10g20 – 10g30	Đại hội tiến hành bầu cử.	Cổ đông
6	10g30 – 11g00	Nghi giải lao Kiểm phiếu.	Cổ đông Ban kiểm phiếu
7	11g00 – 11g05	Thông qua Biên bản kiểm phiếu bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV.	Ban kiểm phiếu
8	11g05 – 11g10	Chủ tọa đoàn công bố kết quả bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV.	Chủ tọa đoàn
9	11g10 – 11g15	Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV nhận nhiệm vụ trước Đại hội.	Các thành viên HĐQT và BKS
IV. Phần kết thúc Đại hội			
1	11g15 – 11g20	Trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Ban thư ký
2	11g20 – 11g25	Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Chủ tọa đoàn
3	11g25 – 11g30	Tổng kết và bế mạc Đại hội.	Chủ tọa đoàn

Số: NQ-ĐHĐCĐ.2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300743380, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/01/2005 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/02/2017);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp-Thương mại Hữu Nghị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/6/2018;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường số/BB-ĐHĐCĐ.2021 ngày tháng 5 năm 2021 của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán).

2. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi trả cổ tức năm 2019 (Theo Tờ trình số ngày...../...../2021 của Hội đồng quản trị Công ty).

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích quỹ (do kết quả hoạt động năm 2019 có lợi nhuận nhưng thực hiện việc chuyển lỗ lũy kế năm trước).

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: không trích quỹ (do kết quả hoạt động năm 2019 có lợi nhuận nhưng thực hiện việc chuyển lỗ lũy kế năm trước).

- Chi trả cổ tức năm 2019: không chi trả cổ tức (do kết quả hoạt động năm 2019 có lợi nhuận nhưng thực hiện việc chuyển lỗ lũy kế năm trước).

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 – Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2016-2020) (Theo Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN ngày 15/5/2020 của Ban kiểm soát Công ty).

4. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nhiệm kỳ IV, danh sách trúng cử cụ thể như sau:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

5. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nhiệm kỳ IV, danh sách trúng cử cụ thể như sau:

- 1.
- 2.
- 3.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban kiểm soát Công ty giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: HĐQT.

1./ Ông Lê Tấn Dương

2./ Ông Võ Hồng Phong

3./ Ông Vũ Cương Quyết

4./ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh



PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

Tên cổ đông:

Địa chỉ:

Số ĐKSH:

Số cổ phần: CP

Số phiếu biểu quyết: Tương đương số lượng cổ phần sở hữu.

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT (Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận ở cuối Phiếu biểu quyết)

TT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán).			
2	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận; trích lập các quỹ sau Đại hội và chi trả cổ tức năm 2019.			
3	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019; Tổng kết nhiệm kỳ III (2016-2020) - Phương hướng nhiệm kỳ IV (2020-2025).			

Ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

Cổ đông xem hình thức bỏ phiếu từ xa ở mặt sau của Phiếu biểu quyết.



TP. HCM, ngày tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CN-TM HỮU NGHỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/6/2018.

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị xin báo cáo Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I/ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội; ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

II/ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội hoặc biểu quyết từ xa. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi họ tên cổ đông, số ĐKSĐ, số cổ phần được quyền biểu quyết (số hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị.

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa đoàn.

- Các trường hợp biểu quyết:

* Khi biểu quyết về các vấn đề Phần nghị thức gồm: *Giới thiệu và thông qua Thành phần Đoàn chủ tọa Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Ban thư ký; Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội*, các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) thông qua việc giơ thẻ biểu quyết lên cao theo hướng dẫn của Chủ tọa đoàn. Tổ kiểm phiếu ghi nhận phần biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cổ đông.

* Khi biểu quyết về các vấn đề Phần nội dung các báo cáo, cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua việc bỏ phiếu biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tổ kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm đếm số phiếu biểu quyết tương ứng theo biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sẽ được thông báo sau khi biểu quyết tất cả các vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp.

3. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

- Riêng đối với Nghị quyết về các nội dung sau đây được coi là thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ gồm: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty.

III/ QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN:

1/ Thành phần Chủ tọa đoàn:

Chủ tọa đoàn do Ban tổ chức dự kiến, sau đó giới thiệu trước Đại hội biểu quyết và thông qua bằng phiếu biểu quyết. Chủ tọa đoàn có 04 người gồm thành phần như sau:

- | | |
|----------------------------|--|
| 1/ Ông Lê Tấn Dương | : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty |
| 2/ Ông Võ Hồng Phong | : TV.HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty |
| 3/ Ông Vũ Cương Quyết | : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty |
| 4/ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty. |

2/ Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa đoàn:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác. Ngoài ra có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

* Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

* Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

* Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

- Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

IV/ NHIỆM VỤ CỦA BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc sở hữu cổ phần hoặc đại diện sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ, nếu có ủy quyền phải làm theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty quy định.

- Báo cáo với Chủ tọa đoàn xem xét lại tư cách cổ đông đối với các trường hợp không đủ tư cách đại diện tham dự theo quy định.

- Báo cáo cơ cấu cổ đông, số lượng cổ đông tham dự và tuyên bố Đại hội cổ đông đã đủ điều kiện để tiến hành khi đảm bảo nội dung tại Mục I- Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

V/ NHIỆM VỤ CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI:

Thư ký Đại hội do Ban tổ chức dự kiến, sau đó giới thiệu trước Đại hội biểu quyết và thông qua bằng phiếu biểu quyết. Thư ký Đại hội gồm có 02 người, giúp việc tại Đại hội gồm những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Ghi rõ các số lượng và tỷ lệ biểu quyết đóng góp cho các nội dung mà Đại hội thảo luận và thông qua.

- Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

VI/ NHIỆM VỤ CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- Đại hội đề cử những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của tổ kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật.

- Tổ kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của Đại hội.

- Tổ kiểm phiếu xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về việc biểu quyết tại Đại hội.

VII/ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ:

- Ban kiểm phiếu bầu cử do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

- Ban kiểm phiếu bầu cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

- Ban kiểm phiếu bầu cử cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

VIII/ PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

- Cổ đông được phát biểu khi Chủ tọa đoàn mời hoặc giơ tay đề nghị được phát biểu và được Chủ tọa đoàn đồng ý.

- Cổ đông được Chủ tọa đoàn đồng ý thì khi phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa đoàn có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

IX/ TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI:

- Cổ đông đi đúng giờ theo thư mời, ngồi đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp.

- Không nói chuyện riêng, không làm việc riêng trong Đại hội. Không hút thuốc lá, không sử dụng điện thoại di động. Trang phục lịch sự.

- Tham gia đóng góp ý kiến các vấn đề do Chủ tọa đoàn gợi ý thảo luận.

- Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



BÁO CÁO CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày tháng năm 2021, tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị, được ủy nhiệm của Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm có:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Kim Thanh | Trưởng ban |
| 2. Bà: Lương Thị Ánh Nguyệt | Thành viên |
| 3. Ông: Đỗ Trọng Toàn | Thành viên |

Sau khi thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội như sau:

1. Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị có tổng số vốn điều lệ là 39.437.100.000 đồng, tương ứng 3.943.710 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:

- Cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước: 3.441.320 cổ phần (*chiếm tỷ lệ 87,26%*)
 - Cổ phần thuộc sở hữu cá nhân và tổ chức khác: 502.390 cổ phần (*chiếm tỷ lệ 12,74%*)
- (Trong đó có 5.920 cổ phiếu quỹ).

2. Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội (theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/4/2021) là: 103 cổ đông là chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu của 3.937.790 cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Tổng số cổ đông tham dự Đại hội ngày hôm nay là: ____ cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu: ____ cổ phần, đạt tỷ lệ: ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (*đính kèm danh sách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội*).

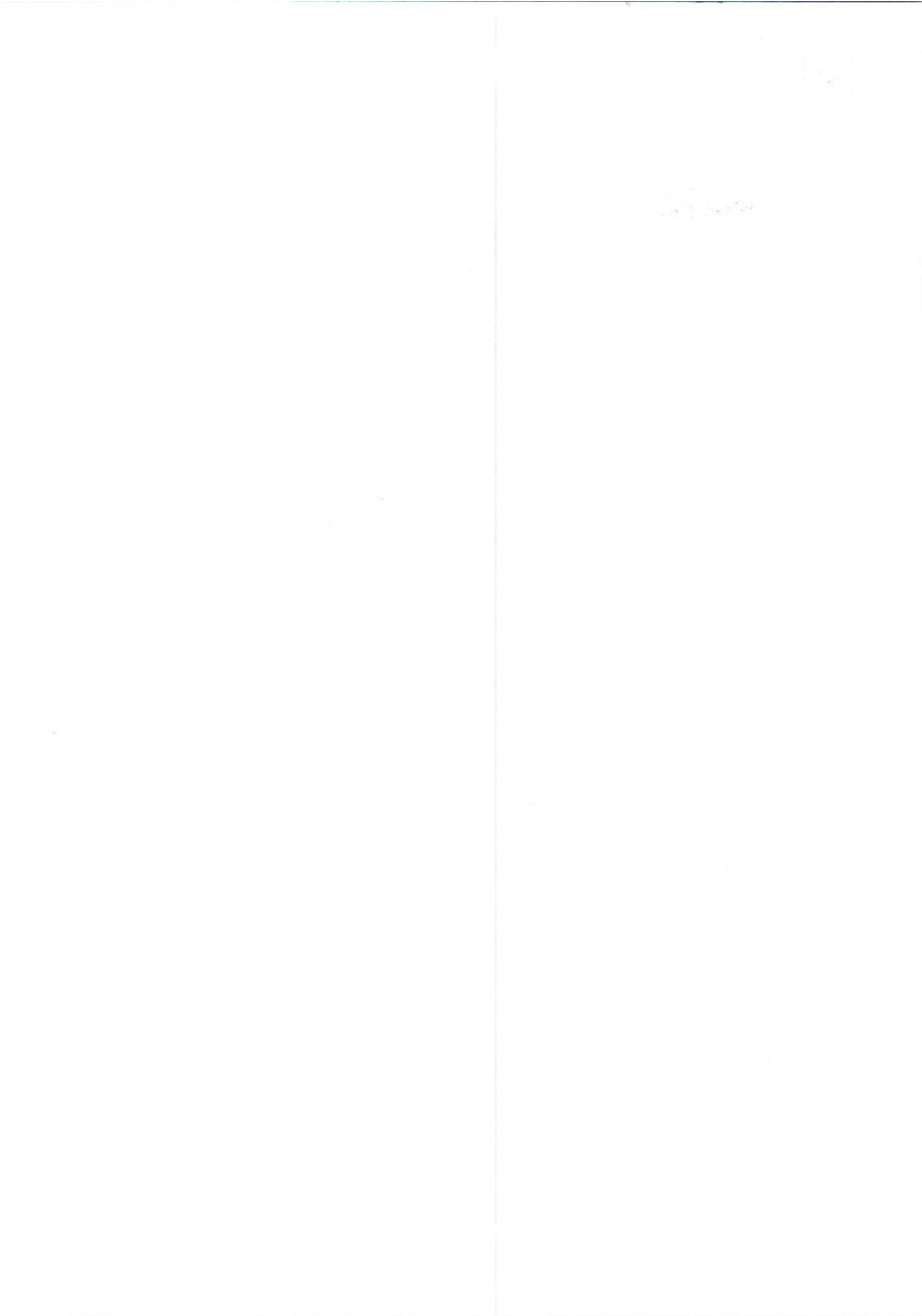
- Tổng số cổ đông vắng mặt có ủy quyền: ____ cổ đông, số cổ phần ủy quyền: ____ cổ phần.
- Tổng số cổ đông vắng mặt không ủy quyền: ____ cổ đông, số cổ phần không ủy quyền: ____ cổ phần.

Với kết quả nêu trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị ngày 28 tháng 6 năm 2018, Ban thẩm tra tư cách cổ đông xin công bố:

1. Tất cả các cổ đông và người đại diện được ủy quyền hợp lệ có mặt tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 được tổ chức ngày hôm nay đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.
2. Số cổ đông hiện diện và được ủy quyền đại diện hợp lệ tại Đại hội này sở hữu trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, nên đã hội đủ điều kiện để Đại hội được tiến hành phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ của Công ty.

Trân trọng báo cáo./.

TM. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG





PKF

Accountants &
business advisers

Số: 02/2020/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị, được lập 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh • Tel: +84 28 39 333 444 • Fax: +84 28 3930 8789 • Email: pkf.hcm@pkf.com.vn • Website: www.pkf.com.vn
28 Nguyễn Thị Diệu • Phường 6 • Quận 3 • Thành Phố Hồ Chí Minh • Việt Nam

PKF Việt Nam là công ty thành viên của Tập đoàn PKF Quốc tế, mạng lưới của các công ty độc lập và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào cho các hành động hoặc việc không hành động của bất kỳ công ty hoặc các công ty thành viên khác



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, công nợ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Mê Kông được phản ánh trên Báo cáo tài chính lần lượt là phải thu ngắn hạn khác 5.953.770.248 đồng (xem tại thuyết minh số 5.3 "Phải thu ngắn hạn khác") và phải trả ngắn hạn khác 5.250.593.436 đồng (xem tại thuyết minh số 5.13 "Phải trả ngắn hạn khác"). Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản xác nhận nợ của các khoản phải thu khác và phải trả khác nêu trên. Chúng tôi không có điều kiện thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định tính đúng đắn của các khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về số dư các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của các số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty. Ngoài ra, khoản phải thu khác này đã quá hạn hơn 03 năm. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản công nợ này do ảnh hưởng của số dư nợ phải thu và nợ phải trả nêu trên. Do đó, chúng tôi không nhận xét về ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng này đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quỹ khen thưởng phúc lợi với số dư âm 1.029.928.255 đồng (xem tại thuyết minh số 5.14 "Quỹ khen thưởng, phúc lợi") do chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước. Công ty chưa có chủ trương bù đắp khoản chi vượt nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.11b "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn", đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Vikotrade và Công ty Cổ phần Sài Gòn Bất động sản Đông Dương. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét đánh giá việc trích lập hoặc hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có) của các khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019, cũng như ảnh hưởng của số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.


Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1


Nguyễn Thị Hoàng Vân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.881.570.511	18.705.697.775
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.120.760.035	3.287.077.269
Tiền	111		1.120.760.035	287.077.269
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.10a	14.200.000.000	7.700.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.200.000.000	7.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.788.073.211	7.038.675.986
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.388.686.927	2.384.457.619
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.781.085	8.781.085
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.409.859.493	8.007.870.695
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(4.019.254.294)	(3.584.031.685)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	221.598.272
Hàng tồn kho	140	5.5	631.653.687	631.653.687
Hàng tồn kho	141		930.482.934	930.482.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(298.829.247)	(298.829.247)
Tài sản ngắn hạn khác	150		141.083.578	48.290.833
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6a	2.916.672	7.291.668
Thuế GTGT được khấu trừ	152		(287.025)	(287.025)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	138.453.931	41.286.190
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.880.262.124	13.870.821.025
Các khoản phải thu dài hạn	210			
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		8.433.081.688	9.092.890.589
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	8.433.081.688	9.092.890.589
- Nguyên giá	222		22.325.808.235	22.325.808.235
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.892.726.547)	(13.232.917.646)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		225.210.831	225.210.831
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.210.831)	(225.210.831)
Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.447.180.436	3.447.180.436
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.9	3.447.180.436	3.447.180.436
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10b	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.808.971.017	9.808.971.017
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.808.971.017)	(9.808.971.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260			330.750.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6b	-	330.750.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.761.832.635	32.576.518.800

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.860.833.264	7.783.743.636
Nợ ngắn hạn	310		7.560.833.264	7.483.743.636
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.882.966.846	2.884.533.389
Phải trả người lao động	314		24.649.584	24.649.585
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12a	5.683.145.089	5.604.488.917
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.13	(1.029.928.255)	(1.029.928.255)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.12b	300.000.000	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.900.999.371	24.792.775.164
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	27.900.999.371	24.792.775.164
Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.000	30.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(57.500.000)	(57.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.374.353.513	1.374.353.513
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.852.984.142)	(15.961.208.349)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.961.208.349)	(14.909.960.456)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.108.224.207	(1.051.247.893)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.761.832.635	32.576.518.800

Ngày 24 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



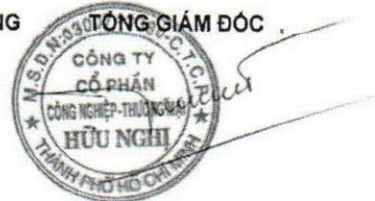
Trần Hiền Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Hiền Phúc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong

1743E
 NG T
 S PHÃ
 HEP TH
 U N
 HỒ HC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.412.453.050	6.069.046.350
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	9.412.453.050	6.069.046.350
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.412.453.050	6.069.046.350
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	891.614.336	608.788.943
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.3	7.058.006.129	7.664.777.625
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.246.061.257	(986.942.332)
Thu nhập khác	31		2.495.010	10.078.202
Chi phí khác	32	6.4	140.332.060	74.383.763
Lợi nhuận khác	40		(137.837.050)	(64.305.561)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.108.224.207	(1.051.247.893)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.5	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.108.224.207	(1.051.247.893)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	789	(267)

Ngày 24 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Trần Hiền Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Trần Hiền Phúc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	10.346.750.710	6.074.304.415
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.983.436.138)	(906.033.587)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.734.767.201)	(1.800.178.987)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	61.703.079	382.286.257
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.067.818.732)	(6.245.917.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.622.431.718	(2.495.539.624)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(32.400.000.000)	(31.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.900.000.000	23.500.000.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	711.251.048	608.788.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.788.748.952)	(7.091.211.057)

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

KẾ TÍNH HẠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp) (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	(2.166.317.234)	(9.586.750.681)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	3.287.077.269	12.873.827.950
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.120.760.035	3.287.077.269

Ngày 24 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Trần Hiền Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Trần Hiền Phúc

TỔNG GIÁM ĐỐC



 Võ Hồng Phong

T. T. N. H. I.
 H. N. H. I.

030
 CC
 CC
 NG. N.
 H. U.
 H. P.

Số: 21/TTr-HĐQT.2021

TP.HCM, ngày 28 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi cổ tức năm 2019

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị ngày 28/6/2018, tại Điều 45 “*về việc phân phối lợi nhuận*”;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và dựa theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/BB-HĐQT.2021 ngày 09/4/2021;

Xét Tờ trình số 50./TTr-BTGD ngày 27./4./2021 của Tổng Giám đốc Công ty về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi cổ tức năm 2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, chi cổ tức năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2019	3.108.224.207
2	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	0
3	Lợi nhuận sau thuế	3.108.224.207
4	Trích lập các Quỹ	
	a. Quỹ đầu tư phát triển	0
	b. Quỹ khen thưởng phúc lợi	0
5	Lợi nhuận còn lại bù đắp lỗ lũy kế năm trước (*)	3.108.224.207
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	0
7	Lợi nhuận dùng chia cổ tức năm 2019	0
8	Cổ tức bằng tiền	0
9	Tỷ lệ % cổ tức năm 2019	0

(*): Số lỗ lũy kế đến năm 2018 là 15.961.208.349 đồng (trong đó : năm 2017 lỗ 14.909.960.456 đồng, năm 2018 lỗ 1.051.247.893 đồng).

Trân trọng kính trình./.



Lê Tấn Dương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ III (2016-2020)
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ IV (2020-2025)

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị ngày 28/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị năm 2016, 2017, 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019-số 14/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 11/6/2019;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị do Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2019, tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2016-2020); phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2020-2025) như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Thành viên Ban kiểm soát:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh : Trưởng ban kiểm soát;
- Bà Lương Thị Ánh Nguyệt : Thành viên ban kiểm soát;
- Ông Huỳnh Văn Quang Trung : Thành viên ban kiểm soát.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019:

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều lệ quy định, Ban kiểm soát tổ chức 01 cuộc họp và 04 đợt kiểm tra định kỳ tại đơn vị, các nội dung kiểm tra trong năm như sau:

Ngày kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra
26/03/2019	Kiểm tra tổng kết tình hình hoạt động của Công ty năm 2018, như sau: <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018.- Kiểm tra đánh giá kết quả việc thực hiện các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 số 18/NQ-ĐHĐCĐ.2018 ngày 28/6/2018; các công việc khác theo Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2018.- Kiểm tra sổ sách kế toán; thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.- Kiểm tra tình hình quản lý hàng hóa tồn kho, tài sản cố định, công nợ của Công ty.- Kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước năm 2018.	<ul style="list-style-type: none">- Biên bản làm việc ngày 26/03/2019.- Báo cáo kiểm tra số 04/BC-BKS-HN ngày 01/04/2019.- Biên bản họp BKS ngày 26/3/2019.- Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN- ngày 06/5/2019.

13/08/2019	<p>Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2019, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hoạt động hợp tác của Công ty tại địa chỉ 357 Lê Hồng Phong và 279 Nơ Trang Long. - Kiểm tra sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính quý 01/2019 và quý 02/2019. - Kiểm tra tình hình quản lý vốn, tài sản, các khoản đầu tư góp vốn, giải quyết dự án còn tồn đọng. - Kiểm tra tình hình quản lý lao động và thực hiện chi trả lương cho CBNV. - Kiểm tra tình hình thực hiện các công việc giải thể của Công ty LD Vikotrade 06 tháng đầu năm 2019. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản làm việc ngày 13/8/2019. - Báo cáo kiểm tra số 02/BC-BKS-HN ngày 28/8/2019. - Báo cáo kiểm tra số 03/BC-BKS-HN ngày 22/10/2019.
27/12/2019	<p>Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty trong 09 tháng đầu năm 2019, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thực hiện các công việc trọng tâm theo nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 số 14/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 16/6/2019. - Kiểm tra hoạt động hợp tác của Công ty tại địa chỉ 357 Lê Hồng Phong và 279 Nơ Trang Long. - Kiểm tra sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính quý 03/2019. - Kiểm tra tình hình quản lý công nợ; quản lý kho; nộp ngân sách nhà nước; các khoản đầu tư góp vốn. - Kiểm tra tình hình quản lý lao động; xây dựng Thang bảng lương năm 2019 và Quỹ lương kế hoạch năm 2019; thực hiện chi trả lương cho CBNV. - Kiểm tra tình hình thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC-ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính. - Kiểm tra tình hình thực hiện các công việc giải thể và tình hình tài chính của Công ty LD Vikotrade. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản làm việc ngày 27/12/2019. - Báo cáo kiểm tra số 04/BC-BKS-HN ngày 27/12/2019.
25/02/2020	<p>Kiểm tra tổng kết tình hình hoạt động của Công ty năm 2019, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá kết quả việc thực hiện các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 số 14/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 11/6/219; các công việc khác theo Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2019. - Kiểm tra công tác quản trị nội bộ của Công ty theo quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng – Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/6/2017. - Kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019. - Kiểm tra sổ sách kế toán; thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán. - Kiểm tra tình hình quản lý vốn, tài sản, các khoản đầu tư góp vốn, giải quyết dự án còn tồn đọng. - Kiểm tra tình hình quản lý hàng hóa tồn kho, tài sản cố định, công nợ của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản làm việc ngày 25/02/2020. - Báo cáo kiểm tra số 05/BC-BKS-HN ngày 21/04/2020.

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tình hình quản lý lao động và thực hiện chi trả lương, chi trả khác liên quan đến người lao động năm 2019. - Kiểm tra tình hình thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC-ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính. - Kiểm tra tình hình thực hiện các công việc giải thể và công tác tài chính kế toán của Công ty LD Vikotrade. 	
--	---	--

b. Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2020) như sau:

Ban kiểm soát tổ chức thực hiện các buổi kiểm tra, kiểm soát định kỳ theo chương trình kế hoạch kiểm tra hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua (năm 2016, 2017, 2018, 2019).

Nội dung chương trình làm việc của Ban kiểm soát như sau:

- Kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty, bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư góp vốn và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của Công ty;
- Kiểm tra các hoạt động của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật Chứng khoán đối với Công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom;
- Kiểm tra công tác quản trị nội bộ, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hàng năm;
- Kiểm tra công tác ban hành văn bản, quy trình, quy chế có phù hợp với Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành;
- Và kiểm tra một số công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Kết quả thực hiện công tác kiểm tra đã được Ban kiểm soát tổng hợp, báo cáo và trình tại các kỳ Đại hội cổ đông thường niên hàng năm, cụ thể như sau:

Năm thực hiện		Nội dung	ĐHĐCĐ thông qua
2016	Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 16/6/2017	Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị năm 2016 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.	Nghị Quyết ĐHCĐ số 31/NQ-ĐHCĐ.2017-ngày 30 tháng 6 năm 2017.
2017	Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 11/6/2018	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.	Nghị Quyết ĐHCĐ số 18/NQ-ĐHCĐ.2018-ngày 28 tháng 6 năm 2018.
2018	Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 22/5/2019	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.	Nghị Quyết ĐHCĐ số 14/NQ-ĐHCĐ.2019-ngày 11 tháng 6 năm 2019.
2019	Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 15/5/2020	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và tổng kết nhiệm kỳ III (2016-2020) tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.	

c. Đánh giá chung hoạt động Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2020) :

Ban kiểm soát tuân thủ hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hoàn thành công tác kiểm tra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị theo chương trình kế hoạch kiểm tra hàng năm. Từng thành viên của Ban kiểm soát thể hiện vai trò tích cực trong công tác kiểm tra, xem xét và đánh giá hoạt động của Công ty một cách khách quan, trung thực, đúng chuyên môn nghiệp vụ và pháp luật quy định. Các biên bản và báo cáo kiểm tra của Ban kiểm soát đều dựa trên sự thống nhất ý kiến của các thành viên trong Ban. Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

Sau các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát thực hiện báo cáo các nội dung kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị gửi đến Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị để triển khai các biện pháp thực hiện được kịp thời.

Tuy nhiên, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Ban trong nhiệm kỳ III vẫn chưa đưa ra được những đề xuất giải pháp cụ thể đối với những công việc còn tồn đọng nhiều năm, chưa có hướng giải quyết, như là về Dự án Hoàng Anh Mê Kong, các công nợ lâu năm khó đòi, xử lý tài sản thiếu.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

a. Lương, thù lao và lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2019:

ĐVT: đồng

Thành viên BKS	Chức danh	Tổng lương và lợi ích khác năm 2019	Tổng mức thù lao năm 2019
1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh: - Hưởng lương chuyên trách: + Mức lương 8.000.000 đồng/tháng (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/07/2020). + Mức lương 8.400.000 đồng/tháng (từ ngày 16/07/2020 đến ngày 31/12/2020). - Lợi ích khác: Tiền thưởng, tiền lễ, tết, tiền cơm trưa, phụ cấp xăng, gửi xe, hỗ trợ tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng và các khoản phúc lợi khác theo mức chung của Văn phòng Công ty (nếu có).	Trưởng ban	121.549.301	
2. Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên		15.336.000
3. Ông Huỳnh Văn Quang Trung	Thành viên		15.336.000

b. Tổng kết lương, thù lao và lợi ích khác của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III:

ĐVT: đồng

Thành viên BKS	Năm 2016 (từ T7->T12)	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng cộng
1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	56.492.692	120.038.637	120.414.012	121.549.301	418.494.642
2. Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	8.100.000	16.200.000	16.200.000	15.336.000	55.836.000
3. Ông Huỳnh Văn Quang Trung	8.100.000	16.200.000	16.200.000	15.336.000	55.836.000

Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát (Theo Khoản 4 Điều 39 Điều lệ Công ty). Tuy nhiên nhận thấy tình hình tài chính của Công ty có nhiều khó khăn nên các thành viên BKS không tính chi phí hoạt động với Công ty và tự trang trải các khoản chi phí có liên quan tới phần công việc của mình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019 VÀ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ III (2016-2020):

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và tổng kết nhiệm kỳ III:

***Thực hiện năm 2019:**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	7.539.237.111	10.306.562.396	136,7%
2. Tổng chi phí	7.084.557.422	7.198.338.189	101,6%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	454.679.689	3.108.224.207	683,6%
4. Nộp Ngân sách (số thực nộp)	2.939.403.220	3.067.818.732	104,3%

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch
A	Tổng doanh thu và thu nhập khác	7.539.237.111	10.306.562.396	136,7%
01	Doanh thu hợp tác kinh doanh và dịch vụ		9.412.453.050	
	- Doanh thu hợp tác tài sản trên đất	7.023.265.267	8.796.856.177	125,2%
	- Doanh thu dịch vụ điện, nước		615.596.873	
02	Doanh thu hoạt động tài chính		891.614.336	
03	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.084.557.422	7.058.006.129	99,6%
04	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động KD		3.246.061.257	
05	Thu nhập khác		2.495.010	
06	Chi phí khác		140.332.060	
07	Lợi nhuận khác		(137.837.050)	
B	Tổng lợi nhuận trước thuế	454.679.689	3.108.224.207	683,6%
01	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		0	
02	Lợi nhuận sau thuế		3.108.224.207	

Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019:

- Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD, chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách thực hiện đạt so với kế hoạch đề ra.

- Kết quả kinh doanh có số lợi nhuận trước thuế là 3.108.224.207 đồng, đạt so với số kế hoạch là 683,6%. Hiệu quả kinh doanh có được từ các chỉ tiêu sau:

*Về doanh thu:

Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện tăng 36,7% so với số kế hoạch, tương ứng mức tăng là 2.767.325.286 đồng, chủ yếu các khoản doanh thu sau:

- Doanh thu hợp tác tại 279 Nơ Trang Long: doanh thu kế hoạch cho hoạt động này dự kiến thực hiện chỉ trong 04 tháng (nhằm sắp xếp, rà soát mặt bằng sử dụng tại đơn vị theo chủ trương của Thành phố), tuy nhiên thực tế trong năm doanh thu thực hiện vẫn đảm bảo đủ 12 tháng, nên doanh thu có thêm trong 08 tháng cuối năm là 1.773.590.910 đồng.

- Doanh thu khác (lãi tiền gửi ngân hàng đầu tư ngắn hạn và dịch vụ điện, nước): doanh thu khác thực hiện tăng 192,11% so với số kế hoạch, tương ứng mức tăng là 991.239.366 đồng. Doanh thu khác tăng là do doanh thu dịch vụ điện nước tại 279 Nơ Trang Long tăng tương

ứng theo doanh thu chính thực hiện thêm 08 tháng như đã nêu trên. Ngoài ra doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi ngân hàng đầu tư ngắn hạn tăng do tăng khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm từ khoản tiền mặt lưu động của Công ty.

*Về chi phí:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 7.058.006.129 đồng, bao gồm các chi phí như sau: chi phí lương, bảo hiểm, phụ cấp, thù lao cho CBNV có tỷ trọng 29,76%, chi phí tiền thuê đất, thuế phí và lệ phí có tỷ trọng 28,40%, chi phí dịch vụ và mua ngoài có tỷ trọng 22,20%, chi phí khấu hao có tỷ trọng 9,31%, chi phí trích lập dự phòng có tỷ trọng 6,17% và một số chi phí khác có tỷ trọng còn lại là 4,16%.

- Chi phí khác là 140.332.060 đồng, chủ yếu là chi phí thuê đất phi nông nghiệp tại 279 Ngõ Trang Long tính từ năm 2012 đến năm 2018 có số tiền truy nộp là 137.465.856 đồng.

Đánh giá chung về mặt kiểm soát chi phí năm 2019 Công ty thực hiện tốt, mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm.

*** Tổng kết các chỉ tiêu kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2019):**

a. Bảng tổng kết (bảng A) các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III đã được ĐHĐCĐ thông qua:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng cộng
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	21.600.000.000	14.434.162.270	6.442.945.278	7.539.237.111	50.016.344.659
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	800.000.000	225.179.178	-1.250.701.053	454.679.689	229.157.814
3. Nộp ngân sách	6.635.895.605	14.231.957.696	3.954.219.635	2.939.403.220	27.761.476.156

b. Bảng tổng kết (bảng B) các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III (sau khi điều chỉnh năm 2016 được HĐQT thông qua ngày 18/11/2016):

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (Sau khi điều chỉnh)	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng cộng
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	8.300.000.000	14.434.162.270	6.442.945.278	7.539.237.111	36.716.344.659
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	0	225.179.178	-1.250.701.053	454.679.689	-570.842.186
3. Nộp ngân sách	16.038.745.217	14.231.957.696	3.954.219.635	2.939.403.220	37.164.325.768

c. Bảng tổng kết (bảng C) các chỉ tiêu thực hiện SXKD nhiệm kỳ III như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng cộng
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	13.109.499.273	4.770.624.302	6.687.913.495	10.306.562.396	34.874.599.466
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	107.336.707	-14.909.960.456	-1.051.247.893	3.108.224.207	-12.745.647.435
3. Nộp Ngân sách (số thực nộp)	19.925.842.733	4.472.806.513	3.830.347.133	3.067.818.732	31.296.815.111

d. Bảng so sánh chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch đề ra (giữa bảng C và bảng B):

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (2016-2019)	Thực hiện (2016-2019)	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	36.716.344.659	34.874.599.466	94,98%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-570.842.186	-12.745.647.435	-
3	Nộp ngân sách (số thực nộp)	37.164.325.768	31.296.815.111	84,21%

Đánh giá chung tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra trong nhiệm kỳ III như sau:

- Về Doanh thu: doanh thu thực hiện không đạt so với kế hoạch đề ra, tỷ lệ thực hiện so với số kế hoạch là 94,98%. Nguyên nhân doanh thu giảm do các yếu tố khách quan làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

+ Hoạt động kinh doanh tại địa chỉ 35 Lê Lợi gặp rất nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng bởi rào chắn để xây dựng tuyến Metro trong thời gian dài và tháng 12/2016 phải giao trả tòa nhà, di dời văn phòng theo Quyết định của Ban giải phóng mặt bằng Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2016, chỉ tiêu Tổng doanh thu và thu nhập khác theo kế hoạch trước khi điều chỉnh là 21,6 tỷ đồng (bảng A), trong đó có dự kiến Thu nhập từ dự án di dời tại địa chỉ 35 Lê Lợi là 13,3 tỷ đồng. Tuy nhiên dự án di dời này thực tế không thực hiện được, nên điều chỉnh chỉ tiêu Tổng doanh thu và thu nhập kế hoạch năm 2016 xuống còn 8,3 tỷ đồng (Bảng B), đến tháng 12/2016, Công ty bàn giao mặt bằng và nhận được khoản bồi thường giá trị nhà, vật kiến trúc là 4.423.248.915 đồng từ Ban giải phóng mặt bằng Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.

Tiếp theo đó, năm 2017 chỉ tiêu Thu nhập khác theo kế hoạch đề ra là 6.782.668.690 đồng tại tòa nhà 35 Lê Lợi từ phần hỗ trợ di dời của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra), tuy nhiên thực tế Công ty không nhận được khoản hỗ trợ này.

+ Ngoài ra hoạt động hợp tác tại địa chỉ 357 Lê Hồng Phong bị gián đoạn 01 năm để tìm đối tác mới do đối tác (Trung tâm tin học-Trường Khoa học tự nhiên) đề nghị chấm dứt hợp tác vì hết hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh (10 năm), doanh thu thực tế giảm so với doanh thu dự kiến kế hoạch trong thời gian bị gián đoạn là 4.108.095.414 đồng. Tuy nhiên đến tháng 7/2018, Công ty tìm được đối tác mới, thời gian hợp tác 10 năm, doanh thu hợp tác mới này tăng so với doanh thu hợp tác cũ là 68,3%/năm.

- Về Lợi nhuận: kết quả hoạt động kinh doanh nhiệm kỳ III lỗ (năm 2017 lỗ 14.909.960.456 đồng; năm 2018 lỗ 1.051.247.893 đồng). Nguyên nhân lỗ là do ảnh hưởng bởi chỉ tiêu doanh thu như đã trình bày phần trên, ngoài ra có các khoản chi phí phát sinh lớn, cụ thể:

Năm 2017, có các chi phí làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh:

+ Chi phí trích lập dự phòng (đầu tư tài chính tại Công ty LD Vikotrade, khoản phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho) là 8.621.261.735 đồng.

+ Chi phí phát sinh năm 2016 phân bổ cho năm 2017 gồm: chi phí trả trước cho người lao động theo Quyết định 86 là 2.161.394.480 đồng; chi phí do truy thu tiền thuế đất 10 năm tại địa chỉ 35 Lê Lợi, 11 Đoàn Văn Bơ là 965.723.740 đồng.

Năm 2018, có chi phí giải quyết chế độ cho người lao động khi thực hiện Phương án lao động tại 357 Lê Hồng Phong, số tiền là 531.695.700 đồng.

- Nộp ngân sách: Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, hoàn thành chỉ tiêu nộp ngân sách. Tuy nhiên theo tỉ lệ % so sánh giữa số thực nộp với số kế hoạch chỉ đạt là 84,21% là do năm 2016, 2017 Công ty được giảm tiền thuê đất tại địa chỉ 279 Nơ Trang Long (5,8 tỷ đồng); tại địa chỉ 35 Lê Lợi và 11 Đoàn Văn Bơ (419 triệu đồng). Do đó nếu điều chỉnh số kế hoạch nộp ngân sách theo số được giảm tiền thuê đất như đã nêu thì Công ty hoàn thành kế hoạch nộp ngân sách.

(nội dung chi tiết tại các Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 16/6/2017; Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 11/6/2018; Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN-ngày 22/5/2019 đã được ĐHCĐ thông qua).

2. Tình hình nộp ngân sách nhà nước năm 2019:

* Các khoản nộp thuế (Thuế GTGT, Thuế đất, Thuế khác) như sau:

- Số thuế phải nộp đầu năm: 2.884.533.389 đồng
- Số thuế phải nộp trong năm: 2.969.279.709 đồng
- Số thuế thực nộp trong năm: 3.067.818.732 đồng

- Số thuế còn phải nộp cuối năm: 2.785.994.366 đồng, trong đó:

+ Thuế còn phải nộp là 2.882.966.846 đồng, gồm: thuế GTGT là 67.758.552 đồng, thuế khác (phạt do chậm nộp trước năm 2010) là 2.815.208.294 đồng.

+ Thuế còn phải thu là 96.972.480 đồng, đây là tiền thuê đất còn phải thu sau khi quyết toán tiền thuê đất tại 357 Lê Hồng Phong từ năm 2016 đến năm 2019 theo đơn giá thuê đất mới và đơn giá tạm tính Công ty đã nộp hàng năm (Thông báo số 16670/TB-CT ngày 22/08/2019 của Cục thuế TPHCM).

* Thuế thu nhập cá nhân: có số thuế phải thu đầu năm là 41.286.190 đồng, số thuế phải thu cuối năm là 41.481.451 đồng.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định. Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Ý kiến của Kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 02/2020/BCKT-PKF.HCMC ngày 24/02/2020 (xem trang 6 của Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán) như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát đồng ý và nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

4. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính năm 2019 và tổng kết nhiệm kỳ III:

* Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019:

Bảng tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (ngày 31/12/2018)	Năm 2019 (ngày 31/12/2019)	Tỷ lệ (%) tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	32.576.518.800	35.761.832.635	9,78%
2	Vốn chủ sở hữu	24.792.775.164	27.900.999.371	12,54%
3	Doanh thu thuần	6.069.046.350	9.412.453.050	55,09%
4	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ HĐKD chính	-986.942.332	3.246.061.257	428,90%
5	Lợi nhuận khác	-64.305.561	-137.837.050	114,35%
6	Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	-1.051.247.893	3.108.224.207	395,67%
7	Tổng lợi nhuận (lỗ) sau thuế	-1.051.247.893	3.108.224.207	395,67%
8	Giá trị cổ phần theo sổ sách (Vốn chủ sở hữu/3.943.710 cổ phần)	6.286	7.075	12,54%

Đánh giá chung, năm 2019 các chỉ tiêu tài chính của Công ty có sự gia tăng so với năm 2018, tình hình tài chính Công ty có nhiều khả quan hơn, cụ thể như sau:

- Tổng giá trị tài sản năm 2019 tăng so với năm 2018 là 3.185.313.835 đồng (tăng 9,78%), tài sản tăng chủ yếu nằm ở khoản mục tài sản ngắn hạn gồm: Tiền, các khoản tương đương tiền và Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

- Vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng so với năm 2018 là 3.108.224.207 đồng (tăng 12,54%), khoản tăng của vốn chủ sở hữu có được từ lợi nhuận kế toán trong năm đạt được tương ứng. Đồng thời vốn chủ sở hữu tăng làm cho giá trị cổ phần theo sổ sách năm 2019 cũng tăng so với năm 2018 là 789 đồng/cổ phần (tăng 12,54%).

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế là -12.852.984.142 đồng (đến ngày 31/12/2019).

*** Tổng kết một số chỉ tiêu tài chính nhiệm kỳ III (2016-2019):**

Bảng tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Tổng giá trị tài sản	54.407.888.359	34.540.550.581	32.576.518.800	35.761.832.635
2. Vốn chủ sở hữu	40.754.680.466	25.844.023.057	24.792.775.164	27.900.999.371
3. Doanh thu thuần	6.950.264.554	3.917.457.766	6.069.046.350	9.412.453.050
4. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ HĐKD chính	-4.140.532.578	-17.638.949.222	-986.942.332	3.246.061.257
5. Lợi nhuận khác	4.247.869.285	2.728.988.766	-64.305.561	-137.837.050
6. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	107.336.707	-14.909.960.456	-1.051.247.893	3.108.224.207
7. Tổng lợi nhuận (lỗ) sau thuế	6.969.527	-14.909.960.456	-1.051.247.893	3.108.224.207
8. Lợi nhuận trên vốn góp chủ sở hữu (LN sau thuế/ 39.437.100.000 đồng)	0,017%	-	-	7,88%
9. Giá trị cổ phần theo sổ sách (Vốn chủ sở hữu/3.943.710 cổ phần)	10.334	6.553	6.286	7.075
10. Cổ tức bằng tiền	0	0	0	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017, 2018, 2019 đã kiểm toán)

Đánh giá chung tình hình tài chính của Công ty trong nhiệm kỳ III (2016-2019):

- Tổng tài sản các năm 2017, 2018, 2019 có giảm đáng kể so với năm 2016, các khoản tài sản giảm chủ yếu là Khoản mục tiền gửi ngân hàng đầu tư ngắn hạn do sử dụng khoản tiền này để nộp các khoản nợ thuế lớn đến hạn phải trả (năm 2016 nộp ngân sách là 19,9 tỷ đồng), ngoài ra Công ty trích lập các khoản dự phòng do đánh giá giá trị tài sản theo quy định (đầu tư tài chính Công ty LD Vikotrade, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho).

- Tổng lợi nhuận trước thuế trong nhiệm kỳ III (2016-2019) có số lỗ là 12.745.647.435 đồng, nên vốn chủ sở hữu cũng giảm đáng kể. Đến ngày 31/12/2019, tỉ lệ vốn chủ sở hữu so với vốn góp chủ sở hữu là 70,75% (27.900.999.371/39.437.100.000), tương ứng tỉ lệ giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách so với mệnh giá mỗi cổ phần là 70,75% (7.075/10.000), nên dẫn đến việc bảo tồn vốn của Công ty chưa được đảm bảo.

- Cổ tức năm 2017, 2018 không có do lợi nhuận trước thuế bị lỗ. Riêng năm 2016 lợi nhuận sau thuế rất ít nên phân phối toàn bộ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nên cổ tức cho cổ đông là không đồng.

5. Kết quả thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019-số 14/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 11/6/2019:

Công ty đã triển khai thực hiện các công việc trọng tâm theo nội dung Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019, kết quả là hoàn thành 4/12 công việc được giao, cụ thể như sau:

- Đã xét duyệt và ban hành Thang, bảng lương Công ty năm 2019;
- Đã xét duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019;
- Đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định việc công bố thông tin;
- Đã báo cáo xin ý kiến ĐHCĐ về việc số dư thành viên HĐQT.

Tuy nhiên, Công ty thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019 còn một số nội dung đang thực hiện chưa hoàn thành như sau:

- Đang tiếp tục phối hợp với cổ đông lớn để cổ đông lớn hoàn thành việc thoái vốn theo quy định, trong năm 2019 cổ đông lớn chưa có yêu cầu phối hợp trong việc thoái vốn tại Công ty;

- Đang tiếp tục thực hiện việc tính toán hiệu quả việc sử dụng tài sản của Công ty, xem xét phương án sử dụng tài sản của Công ty;

- Chưa thanh lý hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông trong dự án Hữu Nghị - Hoàng Anh Mê Kông tại 279 Nơ Trang Long;

- Đang thực hiện các bước cuối để hoàn tất thủ tục giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade;

- Chưa rà soát lại công nợ và báo cáo Hội đồng quản trị hướng xử lý đối với các công nợ;

- Đang thực hiện việc rà soát điều chỉnh các Quy chế của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay;

- Đang thực hiện việc rà soát lại đối với Dự án di dời đầu tư chiều sâu mở rộng sản xuất sản phẩm xe đạp hoàn chỉnh và sản phẩm cơ khí nội thất, việc hợp tác với Ree, để thực hiện đúng theo quy định của Quyết định 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;

- Ban điều hành chưa có báo cáo và thực hiện đối với các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

III. Các hoạt động khác năm 2019 và tổng kết nhiệm kỳ III (2016-2020):

1. Các hoạt động trọng tâm Công ty đã đạt được:

- Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty: ĐHCĐ đã hai lần thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (lần một ngày 02/11/2016; lần hai ngày 28/6/2018). Ngoài ra ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty ngày 28/6/2018 theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP áp dụng đối với Công ty đại chúng để tăng cường công tác quản trị nội bộ.

- Về liên quan đến cổ phiếu phát hành thêm: Ngày 02/11/2016, ĐHCĐ thông qua giải quyết nguồn vốn thặng dư, số tiền là 4.437.130.000 đồng bằng phương thức chia cho các cổ đông dưới hình thức cổ phiếu theo tỉ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tương ứng 44.371 cổ phần phát hành thêm (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần). Từ việc phát hành thêm cổ phiếu nên vốn điều lệ của Công ty tăng từ 35.000.000.000 đồng lên thành 39.437.100.000 đồng.

- Về thay đổi mệnh giá cổ phần: ĐHCĐ thông qua ngày 02/11/2016 về việc thay đổi mệnh giá cổ phần của Công ty từ 100.000 đồng/cổ phần thành 10.000 đồng/cổ phần. Đến thời điểm hiện nay, tình hình vốn góp của chủ sở hữu như sau:

+ Tổng vốn góp của chủ sở hữu: 39.437.100.000 đồng

+ Tổng số cổ phiếu phát hành: 3.943.710 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần), trong đó cổ phiếu quỹ là 5.920 cổ phần.

+ Cơ cấu vốn góp, gồm có:

*Vốn góp của Nhà nước: 34.413.200.000 đồng, chiếm tỷ lệ 87,26% (Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn làm đại diện)

*Vốn góp của cổ đông khác: 5.023.900.000 đồng, chiếm tỷ lệ 12,74%.

- Về đăng ký cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán (Upcom):

Ngày 07/8/2017: Công ty trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5412/UBCK-GSDC của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Theo hồ sơ Thông tin tóm tắt công ty đại chúng Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị lập ngày 26/6/2017, danh sách cổ đông là 106 cổ đông (gồm 01 cổ đông là tổ chức; 105 cổ đông là cá nhân).

Ngày 16/8/2017: Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán – Mã chứng khoán FTI theo công văn số 158/2017/GCNCP-VSD ngày 16/8/2017.

Ngày 20/10/2017: Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (SGDCKHN) ra Quyết định về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị theo công văn số 881/QĐ-SGDHN ngày 20/10/2017, đồng thời SGDCKHN ra Thông báo số 1362/TB-SGDHN về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị là ngày 27/10/2017.

- Về công bố thông tin tuân thủ pháp luật chứng khoán:

Công tác công bố thông tin của Công ty tuân thủ theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC-ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính và Quy trình công bố thông tin do Công ty ban hành ngày 04/9/2017 theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQT.2017 ngày 04/9/2017 của Hội đồng quản trị.

Tổng kết năm 2019, Công ty thực hiện công bố thông tin 16 nội dung gồm các Nghị quyết, Quyết định, Báo cáo, Tài liệu khác,..Thông tin công bố được công bố trên website Công ty, đồng thời báo cáo công bố với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Thời hạn công bố thông tin hầu hết đều thực hiện theo đúng quy định và lưu trữ hồ sơ công bố thông tin dưới dạng văn bản và các file máy tính.

2. Tình hình khai thác tài sản của Công ty Hữu Nghị:

a. Tại 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10:

Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác với đối tác hoạt động trong lĩnh vực giáo dục để sử dụng hiệu quả tòa nhà. Doanh thu hàng tháng trên 500 triệu đồng, hoạt động này hiện tại là hoạt động chính và tạo nguồn thu ổn định cho Công ty.

b. Tại 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh:

+ Đối với diện tích 5.424,4 m²:

Năm 2019, Công ty thực hiện việc tính toán lại hiệu quả đối với phần diện tích này, ngoài diện tích sử dụng làm kho (khoảng 1.000 m²), phần diện tích còn lại Công ty tạm thời khai thác tài sản trên đất (đường bê tông nội bộ, khung nhà tạm,...), hiện đang hợp tác với hai khách hàng. Tháng 12/2019, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng giá hợp tác, mức tăng khoảng 8,7%.

+ Đối với diện tích 3.202 m²:

Tại diện tích này, Công ty có Dự án Chung cư cao tầng tại 279 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh (theo Hợp đồng hợp tác với Công ty Hoàng Anh Mê Kông). Sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận cho Công ty Hữu Nghị chuyển mục đích sử dụng khu đất sang xây dựng chung cư cao tầng theo Công văn số 2887/UBND-ĐTMT ngày 09 tháng 5 năm 2008, Công ty đã triển khai thực hiện một số bước ban đầu cho dự án như: nhà mẫu, trạm điện,

đường bê tông, công trình, nhà căn tin, nhà để xe, hệ thống chiếu sáng, tủ điện, hệ thống thoát nước, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh tạm...

Ngày 27/11/2017, UBND TPHCM có văn bản số 7304/UBND-KT về cho thuê ngắn hạn theo hiện trạng khu đất đang chuyển mục đích sử dụng thực hiện dự án theo quy hoạch thành phố tại số 279 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh. Thực hiện theo văn bản này, ngày 08/02/2018, Công ty Hữu Nghị đã gửi bộ hồ sơ để thuê đất, và nhận được văn bản phúc đáp số 3316/STNMT-QLĐ ngày 09/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty rà lại phần vốn nhà nước, nếu có vốn nhà nước chi phối thì Công ty phải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định. Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án, sẽ xem xét giải quyết hồ sơ thuê đất của Công ty theo quy định của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Năm 2018, 2019 Công ty Hữu Nghị đã có một số báo cáo về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn Thành phố; về pháp lý sử dụng đất và hiện trạng quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất,... gửi Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn để tổng hợp trình cơ quan Ban, ngành theo quy định.

Đến nay, qua trao đổi nhiều lần với Sở Tài nguyên và Môi trường, việc xin thuê đất chưa có kết quả do đó công tác triển khai dự án của Công ty vẫn đang trong giai đoạn chờ giải quyết.

3. Về giải quyết Dự án-Chung cư 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh:

Đến nay Công ty chưa thanh lý được hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông (HAMK), mặt dù tháng 07/2013 Công ty Hữu Nghị đã nhận bàn giao mặt bằng 279 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh diện tích 3.202 m², vì vậy Công ty chưa xử lý được các khoản chi phí, công nợ có liên quan dự án.

Các khoản có liên quan đến dự án gồm: chi phí đầu tư dở dang vào Dự án số tiền là 3.447.180.436 đồng, khoản phải thu Công ty HAMK là 5.953.770.248 đồng, khoản phải trả Công ty HAMK là 5.250.593.436 đồng và công nợ phải thu Cty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng Com có liên quan đến dự án là 1.800.000.000 đồng.

Đối với công nợ của Công ty HAMK, ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty PKF Việt Nam ghi nhận tại trang 06 Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 như sau: *“Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, công nợ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Mê Kông được phản ánh trên Báo cáo tài chính lần lượt là phải thu ngắn hạn khác 5.953.770.248 đồng (xem tại thuyết minh số 5.3 “Phải thu ngắn hạn khác”) và phải trả ngắn hạn khác 5.250.593.436 đồng (xem tại thuyết minh số 5.13 “Phải trả ngắn hạn khác”). Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản xác nhận nợ của các khoản phải thu khác và phải trả khác nêu trên. Chúng tôi không có điều kiện thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định tính đúng đắn của các khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về số dư các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của các số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty. Ngoài ra, khoản phải thu khác này đã quá hạn hơn 03 năm. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản công nợ này do ảnh hưởng của số dư nợ phải thu và nợ phải trả nêu trên. Do đó, chúng tôi không nhận xét về ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng này đến Báo cáo tài chính của Công ty.”*

4. Về giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade:

Trong năm qua Ban thanh lý và giải thể Công ty LD Vikotrade đã triển khai thực hiện một số công việc trọng tâm giải thể Công ty như sau:

- Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn (Ông Liên Nguyên Khiêm) thực hiện các công việc: hoàn tất hồ sơ kế toán trước khi giải thể, quyết toán thuế, xin miễn giảm tiền thuê đất để đảm bảo hoàn tất giải thể Công ty LD Vikotrade theo quy định. Ngày 11/09/2019, Cục thuế TP.Hồ Chí Minh ra văn bản (VB số 10040/CT-KK ngày 11/09/2019) xác nhận về việc Công ty LD

Vikotrade hoàn tất các nghĩa vụ về thuế. Như vậy việc quyết toán thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất nhập khẩu) đã hoàn tất.

- Thực hiện Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND TP.HCM về việc thu hồi đất tại số 257 Nơ Trang Long, P13, quận Bình Thạnh, Ban Thanh lý và giải thể Công ty LD Vikotrade đã thực hiện công tác bàn giao mặt bằng và hồ sơ có liên quan đến khu đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất (*Biên bản bàn giao ngày 10/7/2019 và ngày 11/7/2019*), như vậy việc giao trả mặt bằng tại số 257 Nơ Trang Long, P13, quận Bình Thạnh về cho Nhà nước đã hoàn tất.

- Công ty LD Vikotrade đang hoàn chỉnh hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Sở Kế hoạch Đầu tư như thủ tục trả Giấy phép đầu tư, con dấu, cam kết doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, công tác giải thể vẫn chưa hoàn tất do chưa hoàn thành nghĩa vụ tiền thuê đất. Theo nội dung Quyết định thu hồi đất số 1272/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND TP.HCM là doanh nghiệp phải nộp tiền thuê đất đến ngày ra Quyết định thu hồi đất. Để giải quyết vấn đề này Công ty LD Vikotrade đã làm văn bản gửi Ủy ban nhân dân TP.HCM, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Thành phố; Chi cục thuế quận Bình Thạnh xin được xem xét lại thời gian nộp tiền thuê đất (CV số 07/TT/VIKO ngày 12/8/2019; CV số 01/TT/VIKO ngày 03/03/2020). Hiện nay, Công ty LD Vikotrade vẫn đang tiếp tục làm việc với Sở, Ban ngành có chức năng để xin giảm miễn tiền thuê đất.

- Công ty Hữu Nghị có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty LD Vikotrade là 9.808.971.017 đồng. Tại ngày 31/12/2019 Công ty Hữu Nghị chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty LD Vikotrade nên chưa đánh giá lại khoản dự phòng nêu trên.

5. Về đầu tư vào Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương:

Công ty Hữu Nghị đã đầu tư vào Công ty Đông Dương số tiền là 01 tỷ đồng từ năm 2009, tuy nhiên Công ty Hữu Nghị chưa nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư này kể từ ngày góp vốn đến nay. Tại ngày 31/12/2019 Công ty Hữu Nghị chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Đông Dương nên chưa đánh giá lại khoản đầu tư tài chính này.

IV. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019 VÀ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ III (2016-2020):

1. Về công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT):

- Trong nhiệm kỳ III (2016-2020), hoạt động quản trị của HĐQT đã tuân thủ đúng các quy định theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. HĐQT theo dõi và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đã đề ra các chủ trương, định hướng phát triển Công ty cho từng giai đoạn, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.

- HĐQT đã đôn đốc, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, sử dụng đối với các địa chỉ khu đất được Nhà nước giao, đẩy mạnh công tác khai thác sử dụng có hiệu quả đối với tài sản của Công ty, thúc đẩy giải quyết các công việc còn tồn đọng theo ý kiến ngoại trừ của Công ty kiểm toán, chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của đơn vị. Ngoài ra, HĐQT còn quan tâm và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong công tác chăm lo đời sống người lao động.

- HĐQT tổ chức thực hiện quyền cho các cổ đông theo Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông.

- Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức 03 cuộc họp thường kỳ, 06 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 08 Nghị quyết, quyết định. Các quyết định của HĐQT thông qua dựa trên sự thống nhất 100% ý kiến tán thành tại các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ quy định. Nội dung các Nghị quyết do HĐQT thông qua từ việc triển khai các công việc cụ thể theo nội dung Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019 và đảm bảo tính kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

2. Về công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD):

- Trong nhiệm kỳ III (2016-2020), hoạt động điều hành của Ban TGD đã tuân thủ đúng các quy định theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Ban TGD đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Ban TGD đã cố gắng giải quyết các vấn đề khó khăn của Công ty như tìm kiếm đối tác hợp tác tại tòa nhà 357 Lê Hồng Phong, thực hiện tái cơ cấu lại Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế, xin giám tiền thuê đất cho diện tích 5.424m² tại 279 Nơ Trang Long, liên hệ với các cơ quan ban ngành xin giải quyết mặt bằng 279 Nơ Trang Long cho diện tích 3.202m², giải quyết một số công việc trọng tâm để hoàn tất công tác giải thể tại Công ty LD Vikotrade.

- Ban TGD triển khai và thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

- Năm 2019, Ban TGD triển khai và chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD. Kiểm soát chi phí hoạt động đơn vị nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty. Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống người lao động và một số công tác khác về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

V. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ III (2016-2020):

1. Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD:

Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định. Phối hợp làm việc trên tinh thần trung thực, khách quan, chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của Công ty.

Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Những ý kiến đóng góp, nhận định, đề xuất của Ban kiểm soát trong các lần kiểm tra định kỳ về các mặt hoạt động của Công ty được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và chỉ đạo các biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, BTGD và các Cổ đông:

Ban kiểm soát đã cùng với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc phối hợp tổ chức thực hiện quyền cho các cổ đông theo Điều lệ Công ty quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông. Công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định trên website Công ty nhằm tạo mọi điều kiện để cổ đông cập nhật thông tin.

Đối với Cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của Cổ đông phản ánh về tình hình hoạt động của Công ty.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NHIỆM KỲ IV (2020-2025):

1. Định hướng hoạt động của BKS nhiệm kỳ IV (2020-2025):

- Hoạt động kiểm soát theo đúng nhiệm kỳ, thực hiện chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty dựa trên nội dung Báo cáo, đề xuất và kiến nghị của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được thông qua tại nhiệm kỳ III (2016-2020).

- Xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm.

2. Kế hoạch công tác năm 2020 của BKS:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản trị và quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2020.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, các quy trình, quy chế của Công ty có phù hợp Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Qua các nội dung báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty năm 2019, tổng kết nhiệm kỳ III (2016-2020), Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Căn cứ *ý kiến kiểm toán ngoại trừ* của Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam (được nêu tại trang 6 của Báo cáo tài chính năm 2019). Ban Kiểm soát kính đề nghị Ban Tổng giám đốc có hướng giải quyết các khoản nêu trên trong năm 2020.

- Ban Thanh lý và giải thể Công ty LD Vikotrade cần tiếp tục làm việc với Sở, Ban ngành có chức năng đề xin giảm miễn tiền thuê đất, hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê đất để có cơ sở hoàn tất hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

- Công ty cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành để tăng cường công tác quản trị, điều hành.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2019 và nhiệm kỳ III (2016-2020), Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội.

Kính chúc Công ty hoàn thành nhiệm vụ, chúc Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Kim Thanh

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu:BKS.



DỰ THẢO



TP. HCM, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
NHIỆM KỶ IV (2021-2025)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/6/2018;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/6/2018.

PHẦN I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử, và bầu thành viên Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT), Ban kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS) Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Hữu nghị tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối tượng áp dụng: cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/4/2021).

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đều được nhận một (01) phiếu bầu cử HĐQT và một (01) phiếu bầu cử BKS để thực hiện quyền bầu cử.
2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội.

PHẦN II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (theo Điều 26 Điều lệ Công ty): số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu cho nhiệm kỳ IV (2021-2025): ít nhất là ba (03) thành viên và nhiều nhất là năm (05) thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 13 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty):

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c) Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

d) Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT (theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; Điều 25 Điều lệ Công ty ; Điều 14 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị.

2. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 75% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử phù hợp với quy định của Pháp luật. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 5. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên BKS

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát (theo Điều 38 Điều lệ Công ty): Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Số lượng thành viên BKS được bầu cho nhiệm kỳ IV (2021-2025) là: 03 thành viên

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 38 Điều lệ Công ty, Điều 25 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty):

a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều 38 Điều lệ Công ty:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Và:

b) Kiểm soát viên không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

c) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 6. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên BKS (theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ Công ty ; Điều 26 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền đề cử hoặc ứng cử người vào Ban kiểm soát của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.

2. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử gồm:

a) Thư ứng cử/đề cử ứng viên HĐQT, BKS;

b) Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

c) Bản sao văn bằng/Chứng chỉ;

- d) Tài liệu chứng minh số cổ phần và thời gian nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 vào ngày 20/4/2021;
- e) Giấy ủy quyền (nếu có).

PHẦN III

QUY ĐỊNH VỀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

Điều 8. Phương thức bầu cử (theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty; Điều 15 và Điều 27 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS.
- Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trống).

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu: Phiếu bầu do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ phát hành, trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC, có dấu treo của Công ty, có số ĐKSH, tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số phiếu biểu quyết.
- Ghi phiếu bầu: Các cổ đông điền số phiếu biểu quyết cho mỗi thành viên mà mình tín nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu của các thành viên không được lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Tổ chức đổi phiếu bầu khác.
- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được kiểm tra, niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

Điều 10. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách ứng cử, đề cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các thành viên lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Điều 11. Kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu bầu cử do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.
- Ban kiểm phiếu bầu cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.
- Ban kiểm phiếu bầu cử cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Biên bản của Đại hội.
- Sau khi đã kiểm xong phiếu bầu, Ban kiểm phiếu niêm phong toàn bộ phiếu bầu giao lại cho Chủ tịch đoàn và sau đại hội sẽ chuyển cho Hội đồng quản trị Công ty lưu giữ. Trường hợp có vấn đề cần phải kiểm tra lại hoặc khiếu nại về kết quả bầu cử, phải được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 12. Nguyên tắc trúng cử (theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty; Điều 15 và Điều 27 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

1. Tỷ lệ phiếu bầu (%) = Tổng số phiếu được bầu cho từng ứng viên / (chia) tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp x 100.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

3. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy chế bầu cử này gồm 03 phần, 13 điều và có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ✓



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
NHIỆM KỶ IV (2021-2025)**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP CN-TM Hữu Nghị

Căn cứ Quy chế bầu cử (dự thảo trình ĐHĐCĐ) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Theo quy định tại Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/6/2018, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần (“CP”) có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT và BKS của Công ty Hữu Nghị.

HĐQT Công ty Hữu Nghị gửi đến các cổ đông Hướng dẫn ứng cử, đề cử ứng viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2021-2025) với các nội dung như sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 13 Quy chế quản trị nội bộ Công ty):

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c) Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

d) Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT (theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty):

Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ CP của Công ty được quy định như sau:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 20% đến dưới 30% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 75% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 75% tổng số CP có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 25 Quy chế quản trị nội bộ Công ty):

a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều 38 Điều lệ Công ty:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Và:

b) Kiểm soát viên không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

c) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (theo khoản 2 Điều 37 Điều lệ Cty)

Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ CP của Công ty được quy định như sau:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 20% đến dưới 35% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 35% đến dưới 50% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Từ 50% đến dưới 65% tổng số CP có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Từ 65% tổng số CP có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

5. Hồ sơ ứng cử/đề cử HĐQT/BKS:

a) Thư ứng cử/đề cử ứng viên HĐQT, BKS;

b) Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

c) Bản sao văn bằng/Chứng chỉ;

d) Tài liệu chứng minh số cổ phần và thời gian nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 vào ngày 20/4/2021;

e) Giấy ủy quyền (nếu có).

Ghi chú:

Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử, quý cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/đề cử vui lòng gửi thư/fax/email Hồ sơ ứng cử/đề cử (tại mục 5 nêu trên) về Công ty Hữu Nghị trước 17 giờ ngày 18/5/2021. Trường hợp nếu fax/email thì cổ đông/nhóm cổ đông gửi trực tiếp Hồ sơ bản chính cho Ban Tổ chức khi làm thủ tục đăng ký tham dự ĐHĐCĐ vào ngày 20/5/2021.

- Địa chỉ liên hệ: Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị
357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, TPHCM.

- Người liên lạc: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung (Thư ký HĐQT)

- Điện thoại: (028)38308899 – 0917.377980; Số Fax: (028)38301802

- Email: congty.huunghi2005@gmail.com

Trân trọng./.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CN-TM HỮU NGHỊ, NHIỆM KỲ IV (2021-2025)



Kính gửi: Ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021

Căn cứ theo Quy chế bầu cử, Hướng dẫn ứng cử/đề cử ứng viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị,

Cổ đông/Nhóm cổ đông:

TT	Họ và tên cổ đông	Số ĐKSH	Số Hộ chiếu/CCCD/ CMND/ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Thời gian bắt đầu nắm giữ	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
...						
	Tổng cộng					

Sở hữu/đại diện cho.....cổ phần của Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị, tương ứng với tỷ lệ.....% tổng số cổ phần đang lưu hành (3.937.790 CP) của Công ty.



THƯ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CN-TM HỮU NGHỊ, NHIỆM KỲ IV (2020-2025)

Kính gửi: Ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021

- Tôi tên là:

- Số ĐKSH:.....

- Số CMND/CCCD (Hộ chiếu):..... Cấp ngày...../...../.....

Tại:.....

- Địa chỉ thường trú:

- Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

- Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị, tương ứng với tỷ lệ.....% tổng số cổ phần đang lưu hành (3.937.790 CP) của Công ty.

- Thời gian nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị từ ngày liên tục đến ngày 20/4/2021.

Sau khi nghiên cứu các quy định tại Quy chế bầu cử, Hướng dẫn ứng cử/đề cử, Tôi thấy mình có đủ điều kiện ứng cử vào² Hội đồng quản trị / Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị,

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử vào² Hội đồng quản trị / Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên² Hội đồng quản trị / Ban Kiểm soát, tôi sẽ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm 2021

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

² Đánh dấu vào một trong 2 ô

Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		
Từ...../...../..... đến/...../.....		

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên./.

....., ngày tháng..... năm 2021

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)